

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT**

Khóa học: 2015 - 2018  
Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH  
Chuyên ngành: Quản trị quan hệ công chúng  
Khóa 48

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	1		2		3		4		5		6		Tổng kết																									
				Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin I	Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tâm lý đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Văn hóa học	Marketing dịch vụ	Nhập môn quan hệ công chúng	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nguyên lý thông kê kinh tế	Nhập môn thương mại điện tử	Quản trị chiến lược	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính	Kỹ năng giao tiếp	Lập và quản trị chiến lược quan hệ công chúng	Quản lý hệ thống thông tin trong du lịch	Quản trị bán hàng	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	90	
1	14D4022001	A Bền	07/06/89	3.9	4.8	2.6	3.3	5.2	5.4	5.7	6.3	5.4	4.7	4.3	7.4	0.9	6.2	7.2	2.2	2.2	7.0	2.6	5.3	4.2	2.4	2.1	3.2	3.7	8.6	2.8	5.7	7.5	6.7	2.5	4.9	8.5	9.8	0.0	4.7		
2	14D4021022	Ngô Thị Minh Châu	03/06/1996	5.1	4.9	4.9	6.3	4.8	3.1	5.0	4.6	7.7	8.9	7.2	5.5	8.8	8.4	5.7	2.4	4.6	8.5	5.5	8.5	5.3	6.3	5.9	6.5	7.0	8.2	6.2	6.0	8.8	7.7	6.7	6.4	8.5	9.5	9.0	6.4		
3	14D4021025	Đặng Thị Bích Chi	27/06/1996	5.6	5.1	4.8	5.6	6.8	4.7	5.0	8.7	8.1	7.4	6.3	5.6	8.8	7.5	6.0	5.0	6.9	8.8	6.7	5.8	5.8	9.3	7.9	4.2	4.2	8.6	5.5	5.9	8.5	7.8	5.7	5.8	8.5	8.7	9.3	6.7		
4	14D4021028	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	01/08/1995	5.0	4.2	5.1	5.8	5.0	5.6	4.3	5.0	8.4	7.6	6.7	6.3	2.9	7.1	6.9	5.6	7.3	8.8	7.0	6.8	7.7	5.6	5.2	4.5	5.3	8.6	6.2	4.3	9.0	7.1	7.2	7.4	8.5	###	8.0	6.4		
5	14D4021038	Hồ Thị Xuân Dung	15/04/1996	5.4	5.3	7.0	5.6	5.2	2.9	4.9	5.2	4.9	7.3	5.5	7.5	4.2	6.9	6.5	6.5	7.7	8.4	6.9	6.5	6.5	5.2	4.9	6.5	7.2	8.6	5.7	4.0	8.5	7.5	7.0	3.8	8.5	9.0	8.0	6.3		
6	14D4021063	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/07/1995	5.4	4.4	6.3	6.0	5.2	4.9	4.3	8.1	5.9	7.3	5.5	6.6	3.7	7.4	6.6	5.0	4.9	7.3	5.3	6.1	6.7	5.2	6.7	7.9	5.5	8.2	3.3	5.9	8.5	8.5	5.6	6.5	7.8	8.7	9.0	6.2		
7	14D4021087	Huy Hiệp	25/09/1996	5.7	5.9	9.3	6.8	5.6	6.0	5.4	6.4	8.3	7.5	6.1	7.2	6.9	8.2	7.8	8.1	6.6	10.0	8.0	8.9	7.3	7.1	6.1	8.5	7.1	8.6	8.1	4.9	10.0	8.7	7.8	7.6	7.8	9.3	9.4	7.5		
8	14D4021092	Lê Minh Hoàng	19/10/1995	3.7	5.1	5.5	5.8	5.7	4.5	1.8	2.2	2.5	1.6	4.2	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3		
9	14D4021098	Trương Thị Xuân Hồng	06/03/1996	5.5	4.5	4.2	5.8	6.8	5.6	4.7	6.0	7.7	9.1	5.7	6.8	4.1	7.3	7.1	5.9	7.7	9.0	7.3	6.4	7.5	4.7	6.7	4.8	6.1	8.6	8.0	3.9	9.0	7.9	7.1	8.3	8.5	9.0	9.3	6.7		
10	14D4021100	Nguyễn Thị Kim Huế	04/11/1996	4.6	5.4	5.6	6.0	5.9	5.0	4.3	6.4	5.2	6.4	7.0	7.6	3.8	7.4	6.9	5.1	7.2	8.6	7.4	7.2	7.0	7.7	5.3	8.0	7.0	8.6	7.5	6.5	8.5	7.9	6.8	8.6	8.5	###	8.0	6.8		
11	14D4021120	Khương Quốc Hưng	22/01/1995	3.6	4.7	5.1	5.8	4.9	5.5	4.3	6.7	5.5	6.0	5.9	6.1	0.7	7.8	5.2	6.7	4.3	7.3	4.7	6.3	6.5	6.3	3.4	2.9	4.9	8.6	6.2	1.9	8.0	6.7	6.3	3.3	7.8	9.0	8.3	5.6		
12	14D4021107	Ông Văn Huy	21/11/1996	5.2	5.7	6.3	6.3	6.4	4.8	4.6	5.5	4.3	6.8	5.4	4.4	1.8	6.7	6.7	6.2	8.3	9.3	8.4	8.8	8.7	4.9	7.2	7.4	6.9	8.6	7.4	4.6	10.0	9.0	7.7	8.0	7.8	###	9.3	6.8		
13	14D4021108	Phạm Quốc Huy	27/01/1996	6.4	5.4	5.4	4.0	7.4	5.1	5.4	7.0	4.6	7.2	6.1	6.5	2.8	7.0	7.3	3.9	5.5	8.4	6.6	5.8	6.1	7.4	2.8	6.2	4.9	8.6	5.5	6.0	10.0	7.8	5.6	5.6	7.8	9.5	9.0	6.2		
14	14D4021105	Nguyễn Tấn Huy	10/05/1995	5.7	4.6	5.8	6.2	5.0	4.6	3.6	4.0	2.5	1.5	5.6	3.6	0.0	0.0	0.0	0.5	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	4.1	5.4	4.8	8.6	2.8	6.4	8.0	1.2	6.6	4.0	8.5	9.5	8.9	3.6		
15	14D4021109	Trần Gia Huy	16/11/1996	2.8	6.1	2.2	1.8	3.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.6		
16	14D4021111	Chế Thị Như Huyền	17/11/1996	6.7	5.4	5.9	5.6	5.1	5.7	6.8	7.2	5.6	4.9	4.8	6.4	6.8	7.4	7.6	5.7	7.3	8.1	7.2	6.6	8.2	4.2	7.3	8.5	6.7	8.6	7.6	4.2	8.5	7.5	6.4	7.6	8.5	###	8.0	6.8		
17	14D4021134	Vô Kiệt	18/10/1996	3.3	6.1	6.0	6.0	4.1	5.0	3.6	2.2	5.5	6.6	5.0	2.9	0.2	5.9	4.9	6.8	2.8	9.1	2.6	4.5	3.0	2.5	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.9	
18	14D4021135	Nguyễn Thị Kim	01/11/95	6.7	4.3	4.3	4.3	4.5	4.3	4.7	5.0	6.9	8.2	8.2	8.0	3.9	5.8	6.5	5.6	6.5	8.1	6.5	4.7	5.9	7.6	5.2	4.8	4.4	8.6	5.5	4.0	9.0	8.0	6.8	6.9	7.8	###	9.0	6.2		
19	14D4021148	Phạm Thị Ngọc Linh	07/03/1996	7.6	5.0	5.3	6.0	6.8	5.4	4.3	5.1	4.6	5.8	6.9	5.1	0.2	7.0	7.7	6.6	7.2	7.7	1.2	6.4	7.7	2.8	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.7
20	14D4021162	Lê Phước Phi Luyt	10/10/1992	5.0	6.3	4.9	5.5	7.5	6.6	5.1	5.6	4.7	7.7	5.5	4.2	4.5	6.7	6.8	5.6	4.6	8.3	7.2	6.9	5.4	8.3	5.9	5.4	6.2	8.6	6.8	5.1	9.0	7.1	7.5	6.3	7.8	9.8	8.0	6.4		
21	14D4021169	Nguyễn Quang Mẫn	30/08/1996	6.3	4.3	6.6	7.7	4.6	5.6	4.8	3.9	5.2	3.7	6.6	3.2	2.1	5.8	6.3	7.8	5.4	8.3	6.0	5.3	7.4	4.5	5.3	6.1	4.4	8.6	5.5	4.9	8.0	6.8	5.8	4.5	7.8	9.0	8.0	5.8		
22	14D4021178	Trương Thảo My	22/05/1996	4.6	5.1	5.1	4.8	6.2	4.8	5.9	5.8	4.2	7.0	4.9	7.3	1.6	6.9	6.6	6.9	6.0	8.6	5.1	4.0	5.1	4.5	8.1	4.6	4.4	8.6	5.8	4.3	9.0	6.8	5.3	6.2	8.5	###	9.0	6.0		
23	14D4021174	Nguyễn Lê Trà My	20/06/1996	4.9	4.6	5.8	5.8	5.1	3.1	3.4	2.7	4.6	7.5	4.6	4.5	2.3	7.3	6.8	3.6	6.5	9.1	7.2	5.3	3.8	6.1	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.4	
24	14D4021192	Lê Thị Bích Ngân	03/05/1996	6.8	6.1	5.3	5.6	7.1	5.8	5.4	5.2	5.7	4.8	7.6	4.6	0.0	7.5	7.9	8.5	6.5	8.7	9.0	7.7	8.2	8.3	8.6	8.3	5.8	8.6	9.2	7.1	9.5	7.8	6.1	7.0	8.5	9.9	9.9	7.1		
25	14D4021201	Trần Thị Kim Ngọc	09/07/1996	6.1	2.7	3.1	3.7	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.2	3.4	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8	
26	14D4021206	Trần Thị Mỹ Nguyễn	25/09/1996	7.9	5.2	5.3	7.0	6.6	5.6	4.6	5.3	9.0	5.4	5.4	5.5	5.6	6.9	7.2	8.1	4.2	8.9	8.1	7.3	8.2	7.3	7.7	8.2	6.1	8.6	6.9	7.5	8.8	8.7	7.1	5.8	8.2	9.5	9.0	7.0		
27	14D4021210	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/04/1996	8.2	6.6	6.6	6.0	6.0	5.3	5.1	5.6	6.3	7.2	6.6	4.5	4.5	7.1	7.1	6.5	7.6	9.3	6.9	7.8	7.3	6.1	4.6	3.6	5.8	8.6	6.9	7.4	10.0	8.9	6.8	7.0	7.8	8.9	9.3	6.8		
28	14D4021215	Nguyễn Thị Hoài Nhân	25/06/1996	7.4	4.9	5.7	5.8	5.2	5.6	2.8	3.8	4.1	6.1	4.7	3.0	0.7	7.9	5.8	3.5	2.6	8.2	0.8	2.8	2.4	2.5	2.7	2.8	4.5	2.6	6.2	6.3	9.0	6.9	5.7	5.5	2.9	8.9	9.6	4.7		
29	14D4021219	Nguyễn Thị Thanh Nhật	03/03/1996	7.6	5.4	5.2	6.3	4.8	5.3	3.2	5.7	4.3	3.6	5.4	3.7	2.5	5.4	6.7	4.8	5.9	7.9	6.1	5.7	6.7	4.5	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.5	
30	14D4021228	Lê Thanh Nhi	16/07/1996	7.4	4.7	7.0	7.0	5.9	5.7	4.7	5.5	4.0	4.1	6.4	4.2	4.4	6.3	7.9	8.4	6.9	8.9	7.1	6.0	5.1	4.5	5.3	6.6	5.4	8.6	6.2	7.5	9.0	8.8	6.6	6.1	7.8	###	8.9	6.5		
31	14D4021225	Hồ Thị Linh Nhi	07/12/1996	3.6	4.4	4.9	6.0	4.2	5.7	4.4	1.8	4.5	6.6	5.1	8.5	7.2	5.9	6.8	2.5	5.0	8.8	5.3	5.4	6.6	5.2	2.3	2.9	5.1	8.6	6.9	7.4	9.0	7.5	5.7	5.1	8.2	9.2	9.4	5.8		
32	14D4021242	Trần Thị Yến Nhi	24/02/1995	3.7	2.4	2.6	3.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.7	
33	14D4021244	Trương Thị Hải Nhi	20/01/1996	2.6	0.0	0.5	0.5	1.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.2	
34	14D4021261	Phan Ngọc Quỳnh Như	26/01/1996	7.8	5.3	6.3	5.6	5.9	5.6	4.7	5.7	4.3	4.4	1.8	8.3	3.9	5.9	5.8	4.5	6.2	8.0	4.7	5.8	5.8	5.9	2.8	3.4	6.1	2.6	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.9	8.6	9.3	4.8		

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1																				Tổng kết																				
				Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2		Pháp luật đại cương	Tâm lý đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Văn hóa học	Marketing dịch vụ	Nhập môn quan hệ công chúng	Ngoại ngữ chuyên ngành		Quản trị học	Tổng quan du lịch	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nguyên lý thông kê kinh tế	Nhập môn thương mại điện tử	Quản trị chiến lược	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính	Kỹ năng giao tiếp	Lập và quản trị chiến lược quan hệ công chúng	Quản lý hệ thống thông tin trong du lịch	Quản trị bán hàng	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	90				
35	14D4021250	Cái Thị Hồng Nhung	14/03/1996	4.0	4.6	5.3	5.6	4.7	1.7	3.9	2.2	3.4	7.0	4.8	3.3	0.2	3.0	0.0	1.7	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6
36	14D4021284	Trần Thị Anh Phương	02/01/1996	3.0	5.3	2.5	0.0	4.8	1.3	1.7	0.4	7.7	8.2	5.4	0.0	0.0	5.2	0.0	2.0	4.6	7.3	3.8	5.7	5.2	4.7	3.9	6.5	5.3	8.2	5.5	7.4	8.0	6.4	6.4	5.8	7.8	###	8.0	4.6					
37	14D4021305	Lê Thị Hương Sen	03/08/1995	7.4	5.1	7.2	6.5	4.1	6.6	4.0	6.2	4.8	8.0	4.5	8.3	4.0	5.9	6.3	4.6	5.5	7.8	6.1	6.8	5.6	5.8	4.9	6.3	5.0	8.2	9.7	6.8	8.5	8.2	5.8	6.2	7.8	###	9.0	6.4					
38	14D4021321	Nguyễn Ngọc Thanh	23/02/1996	7.8	6.2	4.9	7.3	7.3	6.3	6.0	5.4	5.4	6.2	4.4	3.7	5.1	6.9	6.0	7.7	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.9		
39	14D4021344	Nguyễn Thị Thanh Thảo	28/04/95	4.7	7.7	4.4	3.8	6.1	0.0	0.0	1.7	0.0	2.3	3.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0			
40	14D4021363	Trần Thị Thanh Thu	26/02/96	6.4	4.5	5.7	4.0	7.4	6.8	5.4	8.7	6.8	8.0	8.5	7.9	4.6	6.4	6.4	6.4	7.5	8.1	6.6	5.7	7.9	5.1	7.7	6.5	5.6	8.2	7.6	6.7	10.0	7.1	6.6	8.2	8.5	9.5	9.0	7.0					
41	14D4021385	Trần Thị Hoài Thương	24/08/1996	3.2	4.3	6.3	5.8	4.2	5.7	1.9	2.2	2.1	6.1	6.5	2.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.4		
42	14D4021369	Đặng Thị Thúy	10/12/1995	5.2	4.8	5.5	6.0	7.1	4.8	2.1	2.2	2.9	3.7	5.4	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5			
43	14D4021411	Lê Hoàng Bào Trần	07/06/1996	4.0	4.9	7.0	5.9	5.2	6.8	3.5	5.8	4.4	6.8	6.2	3.9	3.9	6.2	7.7	6.5	7.7	8.3	6.9	5.6	6.8	4.9	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.9		
44	14D4021407	Võ Thị Minh Trang	28/08/1996	4.0	5.6	4.0	4.2	4.4	5.0	6.8	5.9	8.0	6.0	4.0	5.4	2.2	6.4	7.5	3.6	3.8	8.1	5.8	4.3	6.1	5.9	3.8	3.3	5.4	8.2	4.7	7.5	9.0	7.8	6.2	6.5	8.5	###	8.0	5.8					
45	14D4021404	Phạm Hà Trang	30/10/96	4.9	5.7	5.3	5.4	6.6	6.0	2.6	3.6	3.8	3.3	4.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5			
46	14D4021417	Hồ Lê Trí Trung	19/05/96	7.8	5.1	5.9	5.9	6.0	3.6	1.9	7.5	2.1	1.5	4.3	3.2	3.4	6.0	4.7	6.6	4.4	7.8	5.9	3.9	5.6	5.2	3.5	2.9	4.4	8.2	2.7	7.7	8.0	6.1	4.9	3.6	7.8	9.5	0.0	5.0					
47	14D4021439	Nguyễn Thị Lan Vi	16/05/1995	5.8	4.8	6.5	5.9	7.3	6.8	5.3	6.4	6.7	8.2	4.9	8.8	4.0	6.9	5.8	4.3	6.5	8.4	5.4	6.2	5.4	7.3	7.9	7.4	5.0	8.2	7.1	8.1	8.5	7.9	7.2	5.8	8.5	8.7	9.3	6.7					
48	14D4021445	Trần Thế Vỹ	21/07/95	6.6	6.5	8.4	7.0	6.6	2.7	2.5	2.6	2.2	1.2	3.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.4		

(Có 47 sinh viên trong danh sách này với 0 con điểm bị sửa chữa)